



CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 181 /QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng;
Xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 21/TTr-TTg
ngày 07 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng thưởng:

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất cho 19 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng
(có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 20 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân,
góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhì cho 32 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng
(có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 15 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân,
góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba cho 74 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng
(có Danh sách kèm theo),

*Đã có thời gian 10 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân,
góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.*

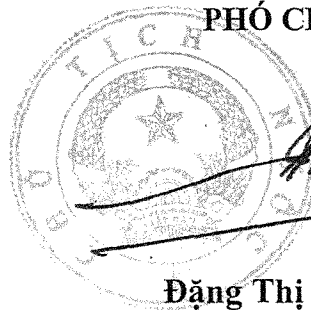
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên
trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

KT. CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH

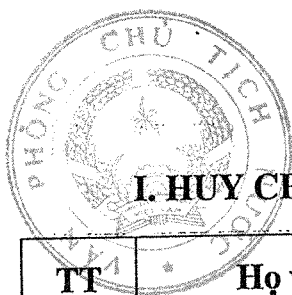
Nơi nhận:

- Chính phủ;
- VPCTN: CNVP, Website VP;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT (2).



Đặng Thị Ngọc Thịnh

DANH SÁCH
CÁC CÁ NHÂN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG ĐƯỢC CHỦ TỊCH NƯỚC
TẶNG THƯỞNG HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VỆ VANG
 (Kèm theo Quyết định số: 181 /QĐ-CTN, ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch nước)



I. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VỆ VANG HẠNG NHẤT

TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Trần Thanh Bình	Thượng tá	Phó Giám đốc Nhà máy Z113, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1969	5/1997	Xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
2.	Nguyễn Văn Thắng	Thiếu tá	Trưởng phòng Tổ chức Lao động, Nhà máy Z111, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1979	9/1997	Xã Dục Tú, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
3.	Trần Thị Thu Hương	Thượng tá	Trưởng phòng Kế hoạch, Nhà máy Z131, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1962	5/1997	Xã Công Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
4.	Bùi Thị Thanh Bình	Đại úy CN	Nhân viên Dược, Nhà máy Z131, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1976	02/1996	Xã Gia Trung, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
5.	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Trung tá CN	Quản đốc phân xưởng nhựa, nhà máy Z199, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1965	01/1997	Xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
6.	Nguyễn Huy Quang	Thiếu tá	Trưởng bộ môn, Khoa Cơ khí vũ khí, Trường Cao đẳng CNQP, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1978	3/1997	Xã Đan Hà, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
7.	Trần Ngọc Bảo	Trung tá CN	Phó Giám đốc Xí nghiệp Vở 1, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1969	02/1997	Xã Đại Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam
8.	Thái Thị Kim Oanh	Trung tá CN	Phó Giám đốc Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1968	01/1996	Phường Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
9.	Chung Công Trịnh	Trung úy CN	Công nhân, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1974	9/1993	Xã Phương Định, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định

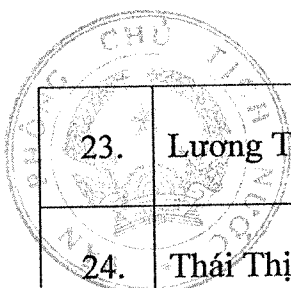
78

10.	Cao Đình Phong	Thiếu tá CN	Công nhân, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1965	01/1984	Xã Mạn Lạn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
11.	Nguyễn Thanh Trung	Đại tá	Trưởng phòng Tổ chức Lao động, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1962	12/1980	Phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
12.	Hà Ngọc Hòa	Thượng tá	Kiểm soát viên, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1961	12/1978	Xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
13.	Cao Xuân Huy	Trung tá CN	Trợ lý Cảnh vụ, Văn phòng, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1965	3/1986	Xã Chu Hóa, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
14.	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trung tá CN	Kỹ thuật viên, Phòng KCS, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1960	9/1982	Xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
15.	Trần Đình Hùng	Thiếu tá CN	Tổ phó lái xe, Xí nghiệp Vận chuyển, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1968	3/1987	Phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
16.	Hồ Đình Từ	Thiếu tá CN	Thợ mộc, Xí nghiệp Mộc, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1967	5/1985	Xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
17.	Phan Thị Bắc	Trung tá	Trưởng phòng, Phòng Tài chính, Nhà máy X51/Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1966	3/1985	Xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
18.	Đào Đình Lực	Thiếu tá CN	Công nhân viên, Xí nghiệp Cơ khí, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1968	3/1987	Xã hiệp Lực, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
19.	Nguyễn Minh Lai	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Văn phòng, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1970	3/1989	Xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

II. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VẺ VANG HẠNG NHÌ

TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Nguyễn Văn Tâm	Đại úy	Trưởng phòng Cơ điện, Nhà máy Z111, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1981	9/2001	Xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
2.	Vũ Văn Minh	Thiếu tá	Phó Quản đốc phân xưởng, Xí nghiệp 91, Nhà máy Z199, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1980	7/2003	Xã Châu Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
3.	Nguyễn Đức Quang	Đại úy	Giáo viên, Trường Cao đẳng CNQP, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1983	9/2001	Xã Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
4.	Đào Văn Ba	Đại úy	Nghiên cứu viên, Viện Vũ khí, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1984	9/2002	Xã Nghĩa Hùng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định
5.	Lê Khắc Ngôn	Trung úy CN	Nhân viên Giám sát an toàn, Phòng An toàn, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1980	12/2002	Xã Phú Gia, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
6.	Hồ Ngọc Trí	Trung tá	Trưởng Phòng Kỹ thuật, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1968	12/2002	Thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế
7.	Nguyễn Văn Dũng	Thượng úy CN	Thợ điện tử, Xí nghiệp Vũ khí-Điện tử, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1979	02/2001	Xã An Lão, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
8.	Bùi Văn Tư	Trung tá CN	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư, Nhà máy Z114, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1969	3/1988	Xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
9.	Bùi Ngọc Huy	Thượng úy CN	Nhân viên, Nhà máy Z114, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1979	02/1998	Xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
10.	Nguyễn Văn Hùng	Đại úy CN	Công nhân kỹ thuật, Nhà máy Z114, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1969	3/1987	Xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

11.	Lê Khắc Đạo	Thiếu tá CN	Phó Trưởng phòng Kiểm tra Chất lượng sản phẩm, Nhà máy Z114, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1973	02/1991	Xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
12.	Nguyễn Công Thế	Đại úy CN	Trợ lý Doanh trại, Nhà máy Z114, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1972	3/1991	Xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
13.	Tạ Mạnh Cường	Thượng úy CN	Tổ trưởng tổ sản xuất, Nhà máy Z117, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1973	2/1992	Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
14.	Nguyễn Văn Tường	Đại úy CN	Công nhân, Nhà máy Z117, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1966	02/1985	Xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
15.	Phan Đình Hùng	Đại úy CN	Công nhân, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1975	02/1993	Xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Thái Bình
16.	Dương Quốc Toàn	Thiếu tá CN	Công nhân, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1965	09/1983	Xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
17.	Nguyễn Công Mạnh	Đại úy CN	Nhân viên lái xe, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1976	10/1995	Xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
18.	Lê Anh Tuấn	Trung úy CN	Lái xe, Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy Z181, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1975	02/2000	Xã Hoàng Thịnh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
19.	Nguyễn Ngọc Anh	Thượng úy CN	Nhân viên, Phân Kho Vật liệu nổ, Kho K602, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1980	3/1999	Xã Trung Dũng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
20.	Đào Thị Hòa	Thiếu tá CN	Nhân viên, Đội bảo quản, Kho K602, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1967	2/1985	Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
21.	Đinh Quang Chiến	Trung tá CN	Trưởng ban, Phòng Kỹ thuật, Trường Cao đẳng CNQP, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1968	7/1998	Xã Thái Ninh, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
22.	Đinh Công Đức	Đại úy CN	Bác sĩ, Bệnh xá, Trường Cao đẳng CNQP, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1977	02/1995	Phường Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ

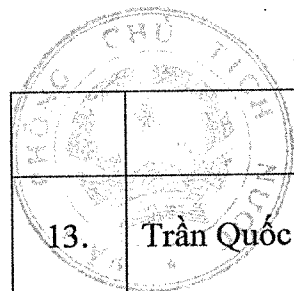


23.	Lương Thị Hồng Yến	Thiếu tá CN	Nhân viên Phòng Tác huấn thông tin, Bộ Tham mưu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1972	03/1989	Xã Lý Đức, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
24.	Thái Thị Kim Oanh	Trung tá CN	Phó Giám đốc Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1968	01/1996	Phường Đâu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
25.	Nguyễn Minh Lai	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Văn phòng, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1970	3/1989	Xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
26.	Nguyễn Bá Soái	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Xí nghiệp Ống, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1972	9/1992	Xã Thụy Việt, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
27.	Đào Đình Lực	Thiếu tá CN	Công nhân viên, Xí nghiệp Cơ khí, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1968	3/1987	Xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
28.	Vũ Đình Dao	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Xí nghiệp Cơ khí, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1970	3/1988	Phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
29.	Nguyễn Tiến Du	Thiếu tá CN	Thợ hàn, Xí nghiệp Vỏ tàu, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1970	9/1992	Xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
30.	Trần Phú Ngân	Đại úy CN	Thợ điện tử, Xí nghiệp Vũ khí-Điện tử, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1973	6/1997	Xã Quang Thái, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
31.	Phan Văn Tư	Trung úy CN	Tổ trưởng, Xí nghiệp Vỏ tàu, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1980	02/2000	Xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
32.	Nguyễn Viết Thân	Đại úy CN	Nhân viên, Văn phòng, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1966	7/1984	Xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

2

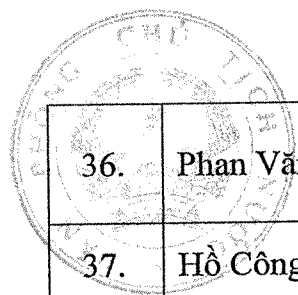
III. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VẺ VANG HẠNG BA

TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Trần Ngọc Hà	Trung úy CN	Lái xe, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1979	6/2007	Xã Phú Hộ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
2.	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Đại úy CN	Nhân viên, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1981	3/2006	Xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
3.	Lê Duy Dũng	Đại úy CN	Nhân viên kỹ thuật, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1982	4/2006	Xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
4.	Nguyễn Anh Tú	Đại úy CN	Nhân viên cảnh vệ, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1984	11/2006	Xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
5.	Lê Quang Lưu	Thượng úy CN	Thủ kho, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1974	6/2006	Xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
6.	Nguyễn Chiến Thắng	Đại úy CN	Nhân viên, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1982	12/2005	Xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
7.	Nguyễn Hữu Huy	Đại úy CN	Nhân viên áp tải, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1983	4/2006	Xã Yên Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
8.	Hoàng Anh Đức	CNVQP	Công nhân, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1985	3/2007	Xã Đỗ Xuyên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
9.	Trần Văn Minh	CNVQP	Công nhân Phân xưởng A5, Nhà máy Z125, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1984	02/2006	Xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
10.	Tạ Quang Nhật	Trung úy	Trợ lý Kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật Công nghệ, Nhà máy Z111, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1988	9/2006	Xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
11.	Nguyễn Thị Thu Hương	Đại úy CN	Nhân viên Phòng Tổ chức - Lao động, Nhà máy Z125, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1982	8/2006	Phường Xuân Phương 3, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
12.	Doãn Hữu Sự	Trung tá	Trưởng ban Chính trị, Xí nghiệp In, Nhà máy Z176, Tổng cục Công	1965	01/2005	Xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam



			ngiệp Quốc phòng			
13.	Trần Quốc Nam	Đại úy	Quản đốc phân xưởng Xí nghiệp In, Nhà máy Z176, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1972	3/2006	Xã Thiện Phấn, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
14.	Nguyễn Hồng Quang	Trung úy CN	Nhân viên, Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy Z181, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1985	6/2006	Xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
15.	Lê Văn Lâm	Thượng úy	Phó Quản đốc, Phân xưởng 4, Xí nghiệp Quang điện tử, Nhà máy Z181, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1986	9/2006	Xã Thành Công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
16.	Tạ Việt Cường	Thiếu tá	Giám đốc Xí nghiệp Linh kiện điện tử, Nhà máy Z181, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1980	11/2006	Xã Cấn Kiệm, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
17.	Chu Văn Chung	Thượng úy	Trợ lý nghiên cứu, Phòng Máy tàu, Viện Thiết kế tàu quân sự.	1988	9/2006	Xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
18.	Phạm Văn Khương	Thượng úy	Trợ lý nghiên cứu, Viện Thuốc phóng Thuốc nổ, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1989	9/2007	Xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
19.	Ngô Đức Anh	Trung úy CN	Nhân viên, Kho K602, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng.	1987	10/2006	Xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
20.	Phùng Viết Tiến	Trung úy CN	Nhân viên Phòng Kỹ thuật Trường CĐCNQP, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1987	3/2007	Xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
21.	Nguyễn Đức Tuấn Anh	Đại úy	Trợ lý Ban Khảo thí, Trường Cao đẳng CNQP, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1983	11/2007	Phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
22.	Phạm Quyết Tâm	Thượng úy	Giáo viên, Khoa Tin học ngoại ngữ, Trường Cao đẳng CNQP, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1987	9/2005	Xã Mỹ Thịnh, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định
23.	Đinh Thị Thu Hằng	Trung úy CN	Nhân viên, Viện Công nghệ, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1983	4/2007	Xã Tri Phương, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

24.	Nguyễn Văn Thành	Thượng úy	Trợ lý, Viện Công nghệ, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1988	9/2006	Xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
25.	Nguyễn Đức An	Thượng úy	Trợ lý, Viện Công nghệ, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1988	9/2006	Xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
26.	Nguyễn Đức Thành	Đại úy	Trợ lý, Viện Công nghệ, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1988	9/2006	Phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
27.	Đoàn Văn Bổng	Trung úy	Nghiên cứu viên, Viện Vũ khí, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1989	9/2007	Thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
28.	Nguyễn Đức Tâm	Thượng úy	Nghiên cứu viên, Viện Vũ khí, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1989	9/2007	Xã Gia Tân, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương
29.	Phùng Thị Hằng	Thượng úy CN	Nhân viên, Phòng Doanh trại, Cục Hậu cần, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1983	10/2006	Xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
30.	Đinh Quang Trung	Thiếu úy CN	Nhân Viên, Phòng Doanh trại, Cục Hậu cần, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1988	3/2007	Xã Văn Phú, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
31.	Hoàng Hữu Quang	Trung úy	Trợ lý Kỹ thuật, Xí nghiệp Vó 2, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1987	9/2006	Xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
32.	Trần Tuấn Anh	Thượng úy	Trợ lý Kỹ thuật, Xí nghiệp Vó 2, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1986	6/2006	Thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa thiên Huế
33.	Lê Hùng Duy	Đại úy	Trưởng phòng Kế hoạch Sản xuất, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1980	8/2006	Xã Bình Sa, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
34.	Huỳnh Văn Sỹ	Trung úy	Trợ lý kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1988	9/2006	Xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam
35.	Phan Thành Nguyên	Thượng úy	Trợ lý, Phòng Thiết kế Công nghệ, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1987	9/2005	Xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

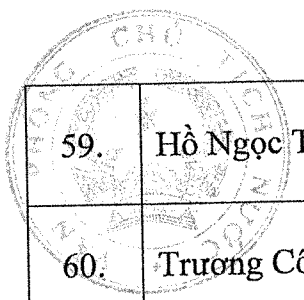


36.	Phan Văn Cường	Thượng úy	Trợ lý, Phòng Chính trị, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1986	7/2005	Xã Nam Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
37.	Hồ Công Thắng	Thượng úy CN	Công nhân, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1978	4/1999	Thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
38.	Nguyễn Anh Tuấn	CNVQP	Công nhân, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1976	5/1997	Xã Bảo Thanh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
39.	Hà Minh Quân	CNVQP	Nhân viên kỹ thuật, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1981	4/2004	Xã Đỗ Xuyên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
40.	Hoàng Tiến Thành	Thượng úy CN	Nhân viên Bảo vệ, Phòng Hành chính Hậu cần, Nhà máy Z111, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1984	02/2003	Xã Xuân Hòa, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
41.	Trần Thanh Nam	Trung úy CN	Công nhân Phân xưởng A5, Nhà máy Z125, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1985	02/2004	Xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
42.	Trần Minh Thảo	Đại úy	Công nhân, Phân xưởng Đức II, Nhà máy Z127, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1971	12/1991	Phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
43.	Lê Đình Trà	Thiếu tá CN	Kỹ thuật viên an toàn, Ban An toàn, Nhà máy Z131, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1976	3/2002	Xã Trường Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
44.	Vũ Thế Long	Thiếu tá	Phó giám đốc xí nghiệp cơ điện, Nhà máy Z173, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1981	9/2004	Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
45.	Trương Thị Bình	Thiếu tá CN	Nhân viên Phòng Hành chính - Hậu cần, Nhà máy Z181, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1973	7/2004	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
46.	Phan Trung Hiếu	Đại úy	Trợ lý kỹ thuật, Xí nghiệp Trang thiết bị công trình, Nhà máy Z181, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1985	9/2003	Xã Hoa Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
47.	Nguyễn Văn Bảy	Thiếu tá	Nhân viên, Xí nghiệp 23, Nhà máy Z199, Tổng cục Công nghiệp	1975	3/1994	Xã Tam Đồng, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

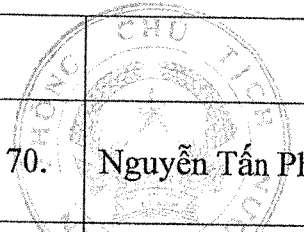
2

			Quốc phòng			
48.	Nguyễn Đức Quang	Đại úy	Giáo viên, Khoa Điện-Điện tử, Trường Cao đẳng CNQP, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1983	9/2001	Xã Tam Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
49.	Trần Duy Hưng	Đại úy	Giáo viên, Khoa Điện-Điện tử, Trường Cao đẳng CNQP, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1986	9/2004	Xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
50.	Lưu Văn Tuấn	Trung úy CN	Lái xe, Trường Cao đẳng CNQP, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1983	02/2003	Xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
51.	Nguyễn Xuân Hùng	Đại úy	Phụ trách Bệnh xá trưởng, Trường Cao đẳng CNQP, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1977	3/1996	Xã Vũ Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
52.	Đinh Công Đức	Đại úy CN	Bác sĩ, Bệnh xá, Trường Cao đẳng CNQP, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1977	02/1995	Phường Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ
53.	Bùi Hải Sâm	Thượng úy CN	Y sĩ, Bệnh xá, Trường Cao đẳng CNQP, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1971	02/1994	Xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ
54.	Nguyễn Văn Dương	Trung úy CN	Nhân viên Bảo vệ, Trường Cao đẳng CNQP, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1982	02/2003	Xã Đoàn Lập, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng
55.	Vũ Bá Duy	Đại úy	Trợ lý, Viện Công nghệ, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1985	9/2003	Xã Dũng Tiến, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
56.	Lê Bá Khánh	Đại úy	Nghiên cứu viên, Viện Vũ khí, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1985	9/2003	Xã Thanh Khê, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
57.	Lê Ngọc Thuyên	Đại úy	Phó Giám đốc Xí nghiệp Vở 2, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1984	9/2002	Xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
58.	Lê Văn Thuận	Đại úy	Phó Giám đốc Xí nghiệp Vở 3, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1984	9/2003	Xã Đức Nhân, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

22



59.	Hồ Ngọc Trí	Trung tá	Trưởng Phòng Kỹ thuật, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1968	12/2002	Thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế
60.	Trương Công Cường	Đại úy	Giám đốc Xí nghiệp Vỏ 1, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1984	9/2002	Xã Quỳnh Thắng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
61.	Thái Thị Kim Oanh	Trung tá CN	Phó Giám đốc Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1968	01/1996	Phường Đâu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
62.	Đoàn Ngọc Lâm	Trung tá	Giám đốc Công ty CP Cơ Khí Sông Thu, Tổng công ty Sông Thu, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1968	12/2004	Xã Trục Khang, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
63.	Nguyễn Tiến Du	Thiếu tá CN	Thợ hàn, Xí nghiệp Vỏ tàu, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1970	9/1992	Xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
64.	Vũ Đình Dao	Thiếu tá CN	Tổ trưởng, Xí nghiệp Cơ khí, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1970	3/1988	Phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
65.	Đào Đình Lực	Thiếu tá CN	Công nhân viên, Xí nghiệp Cơ khí, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1968	3/1987	Xã hiệp Lực, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
66.	Đặng Thành Phương	Thiếu tá CN	Tổ phó, Xí nghiệp Cơ khí, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1968	7/1987	Phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
67.	Nguyễn Viết Thân	Đại úy CN	Nhân viên, Văn phòng, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1966	7/1984	Xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
68.	Nguyễn Hữu Tiến	Đại úy CN	Tổ trưởng, Xí nghiệp Vỏ tàu, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1972	9/1992	Thị trấn Thiên Cảm, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
69.	Trần Phú Ngân	Đại úy CN	Thợ điện tử, Xí nghiệp Vũ khí-Điện tử, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục	1973	6/1997	Xã Quang Thái, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa



			Công nghiệp Quốc phòng			
70.	Nguyễn Tấn Phúc	Đại úy CN	Thợ ống, Xí nghiệp Ống, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1967	12/1990	Phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
71.	Nguyễn Văn Dũng	Thượng úy CN	Thợ điện tử, Xí nghiệp Vũ khí-Điện tử, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1979	02/2001	Xã An Lão, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
72.	Lê Tất Ninh	Trung úy CN	Nhóm trưởng, Xí nghiệp Vỏ tàu, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1981	3/2002	Xã Thụy An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
73.	Phạm Đình Thê	Trung úy CN	Tổ trưởng, Xí nghiệp Vỏ tàu, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1981	3/2002	Xã Kỳ Thọ, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
74.	Phan Văn Tư	Trung úy CN	Tổ trưởng, Xí nghiệp Vỏ tàu, Tổng công ty Ba Son, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1980	02/2000	Xã Văn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

X